

CTY CP DƯỢC BECAMEX
CHỨNG NHẬN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH



Nguyễn Thành Trung

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC BECAMEX**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	14 - 34
8. Phụ lục	35 - 37

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần dược Becamex trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần dược Becamex (trước đây là Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Dương) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700683163 ngày 12 tháng 2 năm 2009 (số cũ 4603000202) đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 04 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 40.400.000.000 VND

Trong đó:

Cổ đông	Số cổ phần	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp TNHH MTV Becamex IDC	2.060.400	20.604.000.000	51
Các cổ đông khác	1.979.600	19.796.000.000	49
Cộng	4.040.000	40.400.000.000	100

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước,
thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

Điện thoại : (0650) 3.553.326

Fax : (0650) 3.559.899

Mã số thuế : 3700683163

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty cổ phần dược Becamex	Ki ốt 02, tổ 07, đường D9T743, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: sản xuất dược phẩm, vật tư y tế; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu, sản xuất, gia công các loại thực phẩm và thực phẩm chức năng; mua bán dược phẩm, vật tư y tế, mỹ phẩm; mua bán hóa chất (trừ hóa chất bảng 1 theo Công ước quốc tế), nguyên liệu phục vụ cho sản xuất dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm, các loại thực phẩm và thực phẩm chức năng.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 37).

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 14 tháng 5 năm 2014, lợi nhuận năm 2013 được phân phối như sau:

- Chia cổ tức 7% mệnh giá
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 167.308.808 VND
- Trích quỹ đầu tư phát triển 167.308.808 VND
- Trích quỹ dự phòng tài chính 167.308.808 VND



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thành Trung	Chủ tịch	16 tháng 5 năm 2012	-
Ông Phan Công Lý	Thành viên	16 tháng 5 năm 2012	-
Ông Trần Thanh Nhường	Thành viên	16 tháng 5 năm 2012	14 tháng 5 năm 2014
Ông Quảng Văn Việt Cường	Thành viên	29 tháng 5 năm 2013	-
Ông Giang Quốc Dũng	Thành viên	29 tháng 5 năm 2013	-
Bà Nguyễn Thị Bích Sơn	Thành viên	14 tháng 5 năm 2014	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân	Trưởng ban	14 tháng 5 năm 2014	-
Ông Trần Thiện Thê	Thành viên	14 tháng 5 năm 2014	-
Ông Trần Quốc Thắng	Thành viên	29 tháng 5 năm 2013	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thành Trung	Tổng Giám đốc	14 tháng 5 năm 2014	-
Ông Trần Thanh Nhường	Tổng Giám đốc	01 tháng 12 năm 2012	14 tháng 5 năm 2014
Ông Lê Trung Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 6 năm 2012	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

700
ÔNG
HẮN
CAI
00683
HẮN DI
CAME
04498
T-T. BNN
ÔNG T
NHIỆM HỮ
TOÁN VÀ T
A & C
T.T.P.HỒ



**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 2 Truong Son St., W. 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0314/2015/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần dược Becamex, được lập ngày 14 tháng 01 năm 2015, từ trang 07 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

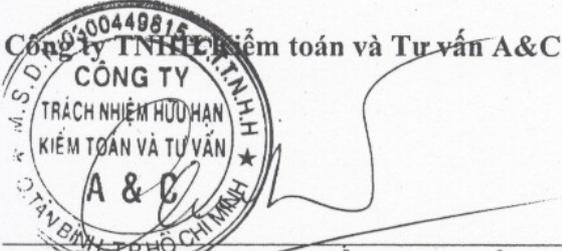
Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần dược Becamex tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần dược Becamex cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó tại ngày 10 tháng 3 năm 2014.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.



Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0100-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2015

Dương Hồng Phúc - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0093-2013-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

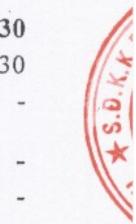
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		146.327.978.088	184.123.170.211
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	561.463.531	2.514.926.430
1. Tiền	111		561.463.531	2.514.926.430
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		125.388.349.099	148.701.031.503
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	126.999.457.163	144.344.491.086
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	362.050.730	6.001.426.207
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	1.450.264.380	1.363.900.744
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(3.423.423.174)	(3.008.786.534)
IV. Hàng tồn kho	140		18.341.459.267	31.429.441.274
1. Hàng tồn kho	141	V.6	18.372.873.049	31.671.716.147
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(31.413.782)	(242.274.873)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.036.706.191	1.477.771.004
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	326.142.357	191.506.730
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	1.710.563.834	1.286.264.274



492
IG
EMF
NVA
& I
PHC

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		47.111.694.014	51.427.488.840
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		40.754.710.741	44.808.867.664
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	40.693.460.766	44.712.617.685
Nguyên giá	222		71.029.888.315	70.263.053.136
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30.336.427.549)	(25.550.435.451)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	61.249.975	96.249.979
Nguyên giá	228		319.090.900	319.090.900
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(257.840.925)	(222.840.921)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		6.356.983.273	6.618.621.176
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	6.301.715.368	6.563.353.271
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	55.267.905	55.267.905
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		193.439.672.102	235.550.659.051

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		139.548.471.370	183.659.436.563
I. Nợ ngắn hạn	310		136.278.899.120	181.130.001.063
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	22.352.452.290	17.914.747.149
2. Phải trả người bán	312	V.15	105.034.649.191	153.154.800.857
3. Người mua trả tiền trước	313		91.246.744	58.450.214
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	5.149.100.202	6.116.127.099
5. Phải trả người lao động	315	V.17	1.110.166.842	957.424.783
6. Chi phí phải trả	316	V.18	273.792.890	340.048.201
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.19	2.109.030.505	2.588.251.112
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.20	158.460.456	151.648
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		3.269.572.250	2.529.435.500
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.21	3.269.572.250	2.529.435.500
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		53.891.200.732	51.891.222.488
I. Vốn chủ sở hữu	410		53.891.200.732	51.891.222.488
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.22	40.400.000.000	40.400.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.22	4.937.900.000	4.937.900.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.22	(196.000.000)	(196.000.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.22	3.152.206.062	2.984.897.254
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.22	575.757.891	408.449.083
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.22	5.021.336.779	3.355.976.151
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		193.439.672.102	235.550.659.051

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	V.23	355.819.281	355.819.281
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		96,31	107,19
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Bình Dương, ngày 14 tháng 01 năm 2015

Lý Thị Lộc
Người lập biểu

Nguyễn Thị Bích Sơn
Kế toán trưởng



Nguyễn Thành Trung
Chủ tịch HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	83.510.302.630	87.931.390.387
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	284.493.251	367.469.068
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	83.225.809.379	87.563.921.319
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	58.422.087.268	64.639.071.787
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		24.803.722.111	22.924.849.532
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	8.042.546	17.599.934
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.151.602.724	1.399.559.050
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.151.602.724	1.386.787.450
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	5.855.072.238	4.639.138.705
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	8.692.863.235	9.899.467.897
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.112.226.460	7.004.283.814
11. Thu nhập khác	31	VI.7	450.718.382	592.323.146
12. Chi phí khác	32		50.213.699	340.712.121
13. Lợi nhuận khác	40		400.504.683	251.611.025
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.512.731.143	7.255.894.839
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	3.424.564.090	3.896.508.976
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.13	-	348.719.327
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>5.088.167.053</u>	<u>3.010.666.536</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>1.266</u>	<u>749</u>

Lý Thị Lộc
Người lập biểu

Nguyễn Thị Bích Sơn
Kế toán trưởng



Bình Dương, ngày 14 tháng 01 năm 2015

Nguyễn Thành Trung
Chủ tịch HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		8.512.731.143	7.255.894.839
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10, 11	5.070.102.903	5.261.616.625
- Các khoản dự phòng	03	V.5, 7	203.775.549	1.478.909.713
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	(653.884)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(26.030.161)	(16.946.050)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	2.151.602.724	1.386.787.450
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		15.912.182.158	15.365.608.693
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		22.473.746.204	(38.398.730.134)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		13.298.843.098	(1.973.583.659)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(48.709.416.192)	23.030.408.270
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		127.002.276	621.435.995
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.18; VI.4	(2.249.141.236)	(1.191.155.480)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.16	(3.935.808.893)	(6.124.493.742)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		563.000.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(269.600.000)	(138.407.741)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.789.192.585)	(8.808.917.798)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10	(168.909.455)	(185.537.727)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	42.630.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	16.946.050
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(126.279.455)	(168.591.677)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.14	43.415.913.243	33.617.567.517
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.14	(38.978.208.102)	(22.102.808.826)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.22	(3.475.696.000)	(1.427.305.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>962.009.141</i>	<i>10.087.453.691</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(1.953.462.899)	1.109.944.216
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	2.514.926.430	1.404.328.330
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	653.884
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	561.463.531	2.514.926.430

Bình Dương, ngày 14 tháng 01 năm 2015




Lý Thị Lộc
Người lập biểu


Nguyễn Thị Bích Sơn
Kế toán trưởng


Nguyễn Thành Trung
Chủ tịch HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất.
- Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất và kinh doanh dược phẩm, vật tư y tế và kinh doanh bất động sản.
- Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty có 294 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 264 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các thông tư sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.
- Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Các quy định của các thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

- Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Đối với nguyên vật liệu và hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Đối với chi phí sản xuất dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu và lao động trực tiếp.
- Đối với thành phẩm: bao gồm giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Đối với hàng hóa bất động sản: bao gồm chi phí quyền sử dụng đất.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	16 – 30
Máy móc và thiết bị	5 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5
Tài sản cố định khác	5 – 8

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính.

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao từ 3 - 8 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất đã trả cho Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH MTV (Becamex IDC) được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 35 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản

Chi phí sửa chữa tài sản được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 3 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

10. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc đối với thời gian người lao động làm việc tại Công ty không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc là $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) của tháng cuối cùng trong năm tài chính cho 1 năm làm việc và được hạch toán vào chi phí.

Tăng, giảm số dư quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

11. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

13. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

	Mục đích	Mức trích lập tối đa
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	Không có
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....	Không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế và được trích lập cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ của Công ty
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	Không có

Các quỹ được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

15. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2013: 21.087 VND/USD
31/12/2014: 21.320 VND/USD

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu kinh doanh bất động sản

Doanh thu kinh doanh bất động sản được ghi nhận khi bất động sản đã được bàn giao cho khách hàng. Đối với bất động sản là nhà thô được ghi nhận theo 2 giai đoạn:

- Giai đoạn 1: Quyền sử dụng đất được ghi nhận khi có biên bản bàn giao đất;
- Giai đoạn 2: Phần xây dựng được ghi nhận khi cơ sở hạ tầng đã hoàn thành và được bàn giao cho khách hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty chỉ có nhóm các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

18. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	63.735.515	68.339.950
Tiền gửi ngân hàng	497.728.016	2.446.586.480
Cộng	<u>561.463.531</u>	<u>2.514.926.430</u>

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên có liên quan	121.785.565.261	139.803.045.731
Phải thu khách hàng khác	5.213.891.902	4.541.445.355
Cộng	<u>126.999.457.163</u>	<u>144.344.491.086</u>

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước các bên có liên quan	-	5.802.000.000
Trả trước nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	362.050.730	199.426.207
Cộng	<u>362.050.730</u>	<u>6.001.426.207</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Các khoản phải thu khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp TNHH MTV Becamex IDC (khoản hỗ trợ chi phí lãi vay)	1.353.900.744	1.353.900.744
Thuế GTGT đầu vào chưa kê khai	86.363.636	-
Phải thu khác	10.000.000	10.000.000
Cộng	<u>1.450.264.380</u>	<u>1.363.900.744</u>

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán:		
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	(1.954.042)	(59.600.154)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	(243.255.138)	(608.250.949)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	(835.078.070)	(31.312.394)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	(2.343.135.924)	(2.309.623.037)
Cộng	<u>(3.423.423.174)</u>	<u>(3.008.786.534)</u>

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(3.008.786.534)	(1.543.443.033)
Trích lập dự phòng bổ sung	(414.636.640)	(1.821.162.782)
Giảm khác (xử lý công nợ Công ty Phúc Hưng)	-	355.819.281
Số cuối năm	<u>(3.423.423.174)</u>	<u>(3.008.786.534)</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	6.483.017.336	6.780.459.896
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.017.139.179	702.920.778
Thành phẩm	3.120.920.926	3.321.778.602
Hàng hóa	1.921.610.934	2.720.267.662
Hàng hóa bất động sản	3.426.431.658	16.625.942.061
Hàng gửi đi bán	1.403.753.016	1.520.347.148
Cộng	<u>18.372.873.049</u>	<u>31.671.716.147</u>

7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thành phẩm	(2.889.600)	(202.005.775)
Hàng hóa	(28.524.182)	(40.269.098)
Cộng	<u>(31.413.782)</u>	<u>(242.274.873)</u>

K.Đ:3
C
CỔ P
BEA
V. CAT.
U
H

1.030P
C
RÁCH N
EM TO
A
BÌNH-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(242.274.873)	(228.708.661)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(13.566.212)
Hoàn nhập dự phòng	210.861.091	-
Số cuối năm	(31.413.782)	(242.274.873)

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	27.611.392	82.872.428
Chi phí sửa chữa	176.424.106	-
Tiền thuê quầy hàng	-	35.000.000
Chi phí khác	122.106.859	73.634.302
Cộng	326.142.357	191.506.730

9. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	1.192.348.697	791.577.609
Tài sản thiếu chờ xử lý	237.368.986	214.080.729
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	280.846.151	280.605.936
Cộng	1.710.563.834	1.286.264.274

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	36.161.925.694	30.384.416.783	2.688.401.796	288.198.995	740.109.868	70.263.053.136
Mua sắm mới	-	168.909.455	-	-	-	168.909.455
Bổ sung nguyên giá các chi phí có liên quan trực tiếp	863.636.364	-	-	-	-	863.636.364
Giảm do thanh lý	-	(265.710.640)	-	-	-	(265.710.640)
Số cuối năm	37.025.562.058	30.287.615.598	2.688.401.796	288.198.995	740.109.868	71.029.888.315
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	525.564.000	2.689.689.092	751.142.400	194.411.155	38.346.000	4.199.152.647
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	6.770.254.975	15.983.358.268	2.068.535.316	262.415.671	465.871.221	25.550.435.451
Khấu hao trong năm	1.444.269.486	3.159.197.540	293.583.564	11.900.004	126.152.305	5.035.102.899
Giảm do thanh lý	-	(249.110.801)	-	-	-	(249.110.801)
Số cuối năm	8.214.524.461	18.893.445.007	2.362.118.880	274.315.675	592.023.526	30.336.427.549
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	29.391.670.719	14.401.058.515	619.866.480	25.783.324	274.238.647	44.712.617.685
Số cuối năm	28.811.037.597	11.394.170.591	326.282.916	13.883.320	148.086.342	40.693.460.766
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 59.474.153.665 VND và 37.514.180.977 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Bình Dương (xem thuyết minh số V.14).

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy tính
Nguyên giá	
Số đầu năm	319.090.900
Số cuối năm	319.090.900
<i>Trong đó:</i>	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	39.090.900
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	222.840.921
Khấu hao trong năm	35.000.004
Số cuối năm	257.840.925
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	96.249.979
Số cuối năm	61.249.975
<i>Trong đó:</i>	
Tạm thời chưa sử dụng	-
Đang chờ thanh lý	-

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Tiền thuê đất	5.788.240.160	-	(165.378.288)	5.622.861.872
Công cụ dụng cụ	775.113.111	223.868.223	(629.127.866)	369.853.468
Chi phí sửa chữa tài sản	-	425.984.654	(116.984.626)	309.000.028
Cộng	6.563.353.271	649.852.877	(911.490.780)	6.301.715.368

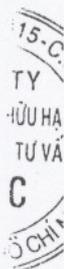
13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các tài sản cố định chưa tính khấu hao và các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	55.267.905	403.987.232
Số hoàn nhập	-	(348.719.327)
Số cuối năm	55.267.905	55.267.905

Công ty có lỗ tính thuế được chuyển sang các năm sau lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Năm 2011	12.156.098.322
Năm 2012	9.231.070.485
Năm 2013	6.454.532.581
Năm 2014	6.936.262.396
Cộng	34.777.963.784



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

14. Vay và nợ ngắn hạn

Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để bổ sung vốn lưu động với lãi suất thay đổi theo từng kế ước nhận nợ, thời hạn vay là 9 tháng/món. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số nhà xưởng và máy móc thiết bị của Công ty (xem thuyết minh số V.10).

Chi tiết số phát sinh về khoản vay như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	17.914.747.149	6.399.988.458
Số tiền vay phát sinh	43.415.913.243	33.617.567.517
Số tiền vay đã trả	(38.978.208.102)	(22.102.808.826)
Số cuối năm	22.352.452.290	17.914.747.149

15. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	100.177.368.414	149.951.780.769
Phải trả các nhà cung cấp khác	4.857.280.777	3.203.020.088
Cộng	105.034.649.191	153.154.800.857

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.155.744.559	2.100.600.737	(2.548.819.661)	1.707.525.635
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.935.808.893	3.424.564.090	(3.935.808.893)	3.424.564.090
Thuế thu nhập cá nhân	24.573.647	107.001.051	(123.104.034)	8.470.664
Thuế môn bài	-	162.000.000	(162.000.000)	-
Các loại thuế khác	-	35.723.166	(27.183.353)	8.539.813
Cộng	6.116.127.099	5.829.889.044	(6.796.915.941)	5.149.100.202

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoạt động bán thuốc	5%
- Hoạt động khác	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế. Riêng đối hoạt động sản xuất và kinh doanh dược phẩm và vật tư y tế, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 6 năm tiếp theo. Năm tài chính 2008 là năm đầu tiên Công ty hoạt động kinh doanh có lãi. Năm 2014 là năm thứ 5 Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.512.731.143	7.255.894.839
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	117.206.871	2.076.806.853
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(43.998.800)
Thu nhập chịu thuế	8.629.938.014	9.288.702.892
Trong đó:		
- Hoạt động kinh doanh chính	(6.936.262.396)	(6.454.532.581)
- Hoạt động kinh doanh bất động sản	15.566.200.410	15.743.235.573
- Thu nhập khác	-	-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp các năm trước	-	(39.299.917)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	<u>3.424.564.090</u>	<u>3.896.508.976</u>

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

17. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 12 và tháng 13 còn phải trả người lao động.

18. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	98.093.458	195.631.970
Chi phí dịch vụ mua ngoài phải trả	90.000.000	91.000.000
Chi phí khác	85.699.432	53.416.231
Cộng	<u>273.792.890</u>	<u>340.048.201</u>

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thừa chờ giải quyết	266.186.152	217.321.691
Kinh phí công đoàn	130.930.555	73.324.808
Bảo hiểm xã hội	80.099.045	33.001.246
Bảo hiểm y tế	39.028.992	-
Bảo hiểm thất nghiệp	19.456.061	-
Cổ tức phải trả	1.510.291.000	2.171.707.000
Các khoản phải trả khác	63.038.700	92.896.367
Cộng	<u>2.109.030.505</u>	<u>2.588.251.112</u>

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	151.648	(128.842.741)
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	167.308.808	138.559.389
Chi quỹ	(9.000.000)	(9.565.000)
Số cuối năm	<u>158.460.456</u>	<u>151.648</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khoản ký quỹ của các hiệu thuốc	2.527.000.000	2.118.000.000
Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	742.572.250	411.435.500
Cộng	<u>3.269.572.250</u>	<u>2.529.435.500</u>

22. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 1 đính kèm.

Cổ tức

Trong năm Công ty đã chi trả cổ tức cho các cổ đông là 3.475.696.000 VND (năm trước là 1.427.305.000 VND).

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.040.000	4.040.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.040.000	4.040.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.040.000	4.040.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(19.600)	(19.600)
- Cổ phiếu phổ thông	(19.600)	(19.600)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.020.400	4.020.400
- Cổ phiếu phổ thông	4.020.400	4.020.400
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

23. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	355.819.281	-
Nợ khó đòi đã xử lý	-	355.819.281
Số cuối năm	<u>355.819.281</u>	<u>355.819.281</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	83.510.302.630	87.931.390.387
- Doanh thu bán hàng hóa	25.990.577.954	22.239.923.847
- Doanh thu bán thành phẩm	24.750.420.280	25.177.294.070
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	661.187.669	363.941.969
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	32.108.116.727	40.150.230.501
Các khoản giảm trừ doanh thu	(284.493.251)	(367.469.068)
- Chiết khấu thương mại	(231.379.612)	-
- Giảm giá hàng bán	(53.113.639)	(228.597.592)
- Hàng bán bị trả lại	-	(138.871.476)
Doanh thu thuần	<u>83.225.809.379</u>	<u>87.563.921.319</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	25.765.091.880	22.239.923.847
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	24.691.413.103	24.809.825.002
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	661.187.669	363.941.969
- Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản	32.108.116.727	40.150.230.501
2. Giá vốn hàng bán		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	20.825.887.785	22.033.655.528
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	20.857.536.646	17.492.740.078
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	174.974.766	72.601.442
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	13.199.510.403	20.052.369.941
Các khoản chi phí vượt mức bình thường	3.575.038.759	4.974.138.586
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(210.861.091)	13.566.212
Cộng	<u>58.422.087.268</u>	<u>64.639.071.787</u>
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi không kỳ hạn.		
4. Chi phí tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	2.151.602.724	1.386.787.450
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	12.771.600
Cộng	<u>2.151.602.724</u>	<u>1.399.559.050</u>
5. Chi phí bán hàng		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	3.625.917.979	2.815.613.981
Chi phí đồ dùng văn phòng	107.745.584	334.793.844
Chi phí khấu hao tài sản cố định	235.512.240	235.512.216
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	13.596.769
Chi phí khác	1.885.896.435	1.239.621.895
Cộng	<u>5.855.072.238</u>	<u>4.639.138.705</u>
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	3.778.266.091	3.479.228.864
Chi phí đồ dùng văn phòng	558.898.712	537.664.702
Chi phí khấu hao tài sản cố định	511.436.902	720.807.397
Thuế, phí và lệ phí	525.110.967	128.000.000
Chi phí dự phòng	414.636.640	467.262.038
Chi phí khác	2.904.513.923	4.566.504.896
Cộng	<u>8.692.863.235</u>	<u>9.899.467.897</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	42.630.000	191.146.372
Giá trị hàng được khuyến mãi	173.905.994	138.993.722
Chiết khấu mua hàng được hưởng	175.946.117	172.392.379
Thu nhập khác	58.236.271	89.790.673
Cộng	450.718.382	592.323.146

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.088.167.053	3.010.666.536
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.088.167.053	3.010.666.536
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.020.400	4.020.400
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.266	749

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	16.446.430.640	11.061.462.019
Chi phí nhân công	10.766.911.544	9.431.412.113
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.070.102.903	5.261.616.625
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	13.596.769
Chi phí khác	6.353.608.593	6.742.789.615
Cộng	38.637.053.680	32.510.877.141

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm là 703.308.000 VND (năm trước là 702.924.272 VND).

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH MTV (Becamex IDC)	Công ty mẹ
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương	Công ty cùng tập đoàn
Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương	Công ty cùng tập đoàn
Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước	Công ty cùng tập đoàn
Công ty cổ phần chứng khoán Đệ Nhất	Công ty liên kết của Công ty mẹ

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các giao dịch phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH MTV (Becamex IDC)		
Bán hàng hóa	-	299.489.131
Mua dịch vụ	911.023.471	40.098.704
Mua bất động sản	-	25.933.809.520
Cổ tức phải trả	1.442.280.000	1.030.200.000
Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương		
Bán bất động sản	32.108.116.727	42.160.008.550
Mua dịch vụ	-	60.000.000
Cổ tức phải trả	71.400.000	-
Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước		
Bán hàng hóa	2.231.801.688	3.277.928.836
Phí khám sức khỏe	19.710.000	-
Mua thuốc	504.603.616	502.273.051
Mua hàng hóa	20.668.183	-
Mua thức ăn	304.450.909	151.840.000
Hoa hồng bán thuốc	33.463.430	-

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH MTV (Becamex IDC)		
Bán thành phẩm, hàng hóa	-	299.489.131
Hỗ trợ chi phí lãi vay dài hạn năm 2009 ⁽ⁱ⁾	1.353.900.744	1.353.900.744
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương		
Bán hàng hóa	-	120.307.636
Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương		
Bán bất động sản	121.453.617.548	138.561.138.550
Ứng trước tiền xây dựng cơ bản	-	6.000.000.000
Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước		
Bán thuốc	331.947.713	822.110.414
Ký quỹ bảo lãnh dự thầu	241.495.980	241.495.980
Cộng nợ phải thu	123.380.961.985	147.398.442.455

⁽ⁱ⁾ Công ty đã lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cho khoản hỗ trợ chi phí lãi vay dài hạn năm 2009 của Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH MTV (Becamex IDC).

Các khoản công nợ phải thu không có đảm bảo và sẽ được thanh toán bằng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH MTV (Becamex IDC)		
Mua máy móc, thiết bị y tế	15.639.305.099	15.639.305.099
Mua bất động sản	81.993.636.400	133.027.932.400
Cổ tức phải trả	103.020.000	1.133.220.000
Khác	976.042.473	5.946.170
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương		
Phải trả tiền xây dựng cơ bản	801.421.464	921.729.100
Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương		
Cổ tức phải trả	-	50.000.000
Thuê căn hộ	-	198.000.000
Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước		
Mua thuốc và mua thức ăn	766.962.978	158.868.000
Công ty chứng khoán Đệ Nhất		
Cổ tức phải trả	256.900.000	183.500.000
Cộng nợ phải trả	<u>100.537.288.414</u>	<u>151.318.500.769</u>

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ.

Các chi phí dùng chung được phân bổ cho các bộ phận theo doanh thu.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất dược phẩm.
- Lĩnh vực kinh doanh dược phẩm, vật tư y tế.
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được thể hiện ở Phụ lục 2 đính kèm.

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	561.463.531	-	561.463.531
Phải thu khách hàng	124.403.760.806	2.595.696.357	126.999.457.163
Các khoản phải thu khác	280.846.151	1.353.900.744	1.634.746.895
Cộng	125.246.070.488	3.949.597.101	129.195.667.589
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.514.926.430	-	2.514.926.430
Phải thu khách hàng	142.689.605.296	1.654.885.790	144.344.491.086
Các khoản phải thu khác	-	1.353.900.744	1.353.900.744
Cộng	145.204.531.726	3.008.786.534	148.213.318.260

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm			
Vay và nợ	22.352.452.290	-	22.352.452.290
Phải trả người bán	105.034.649.191	-	105.034.649.191
Các khoản phải trả khác	1.784.083.890	2.527.000.000	4.311.083.890
Cộng	129.171.185.371	2.527.000.000	131.698.185.371
Số đầu năm			
Vay và nợ	17.914.747.149	-	17.914.747.149
Phải trả người bán	153.154.800.857	-	153.154.800.857
Các khoản phải trả khác	2.928.299.313	2.118.000.000	5.046.299.313
Cộng	173.997.847.319	2.118.000.000	176.115.847.319

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa, nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty có tiền và các khoản tương đương tiền có gốc USD với số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 96,31 USD (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 107,25 USD).



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Công ty có các khoản vay với lãi suất thả nổi tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 22.352.452.290 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 17.914.747.149 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 447.049.046 VND (năm trước giảm/tăng 358.294.943 VND).

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa, nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	561.463.531	-	2.514.926.430	-	561.463.531	2.514.926.430
Phải thu khách hàng	126.999.457.163	(2.069.522.430)	144.344.491.086	(1.654.885.790)	124.929.934.733	142.689.605.296
Các khoản phải thu khác	1.634.746.895	(1.353.900.744)	1.353.900.744	(1.353.900.744)	280.846.151	-
Cộng	129.195.667.589	(3.423.423.174)	148.213.318.260	(3.008.786.534)	125.772.244.415	145.204.531.726

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Vay và nợ	22.352.452.290	17.914.747.149	22.352.452.290
Phải trả người bán	105.034.649.191	153.154.800.857	105.034.649.191	153.154.800.857
Các khoản phải trả khác	4.311.083.890	5.046.299.313	4.311.083.890	5.046.299.313
Cộng	131.698.185.371	176.115.847.319	131.698.185.371	176.115.847.319

316
TY
DUC
EX
H D
15-C.T.
TY
UHAN
TU VÁN
C
S CHIN

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải trả khác dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Lý Thị Lộ
Người lập biểu

Nguyễn Thị Bích Sơn
Kế toán trưởng



Bình Dương, ngày 14 tháng 01 năm 2015

Nguyễn Thành Trung
Chủ tịch Hội đồng quản trị



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 1: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

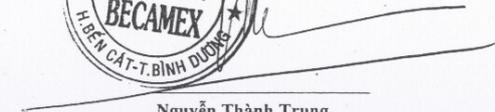
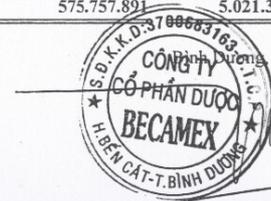
Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	40.400.000.000	4.937.900.000	(196.000.000)	2.707.778.476	408.449.083	2.771.187.782	51.029.315.341
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	3.010.666.536	3.010.666.536
Trích lập các quỹ	-	-	-	277.118.778	-	(415.678.167)	(138.559.389)
Chi cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	-	(2.010.200.000)	(2.010.200.000)
Số dư cuối năm trước	40.400.000.000	4.937.900.000	(196.000.000)	2.984.897.254	408.449.083	3.355.976.151	51.891.222.488
Số dư đầu năm nay	40.400.000.000	4.937.900.000	(196.000.000)	2.984.897.254	408.449.083	3.355.976.151	51.891.222.488
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	5.088.167.053	5.088.167.053
Trích lập các quỹ	-	-	-	167.308.808	167.308.808	(501.926.425)	(167.308.809)
Chi cổ tức trong năm nay	-	-	-	-	-	(2.814.280.000)	(2.814.280.000)
Chi thù lao HĐQT	-	-	-	-	-	(106.600.000)	(106.600.000)
Số dư cuối năm	40.400.000.000	4.937.900.000	(196.000.000)	3.152.206.062	575.757.891	5.021.336.779	53.891.200.732

Bến Cát, ngày 14 tháng 01 năm 2015


 Lý Thị Lộc
 Người lập biểu


 Nguyễn Thị Bích Sơn
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Thành Trung
 Chủ tịch Hội đồng quản trị


CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 2: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty:

	Lĩnh vực sản xuất được phẩm	Lĩnh vực kinh doanh được phẩm, vật tư y tế	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	25.765.091.880	25.352.600.772	32.108.116.727	-	83.225.809.379
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.765.091.880	25.352.600.772	32.108.116.727	-	83.225.809.379
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(1.419.527.043)	1.459.570.592	18.908.606.324	-	18.948.649.873
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(8.692.863.235)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					10.255.786.638
Doanh thu hoạt động tài chính					8.042.546
Chi phí tài chính					(2.151.602.724)
Thu nhập khác					450.718.382
Chi phí khác					(50.213.699)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(3.424.564.090)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					5.088.167.053
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	1.682.398.696	-	-	-	1.682.398.696
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	4.831.183.252	289.347.749	-	-	5.120.531.001
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	22.239.923.847	25.173.766.971	40.150.230.501	-	87.563.921.319
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.239.923.847	25.173.766.971	40.150.230.501	-	87.563.921.319
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(2.416.561.108)	604.411.375	20.097.860.560	-	18.285.710.827
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(9.899.467.897)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					8.386.242.930
Doanh thu hoạt động tài chính					17.599.934
Chi phí tài chính					(1.399.559.050)
Thu nhập khác					592.323.146
Chi phí khác					(340.712.121)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(3.896.508.976)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(348.719.327)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					3.010.666.536
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	424.731.727	-	-	-	424.731.727
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	4.752.018.737	297.106.718	-	-	5.049.125.455
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-

370068
CÔNG
PHẦN I
ECAM
AT-T.BN

449815
CÔNG TY
NHIỆM HỮU
AN VÀ TU
& C
T.P.HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 2: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực sản xuất được phẩm	Lĩnh vực kinh doanh dược phẩm, vật tư y tế	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	48.704.840.652	5.166.093.814	124.880.049.206	-	178.750.983.672
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					14.688.688.430
Tổng tài sản					193.439.672.102
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	25.685.231.348	23.069.052.727	81.993.636.400	-	130.747.920.475
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					8.800.550.895
Tổng nợ phải trả					139.548.471.370
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	52.822.420.118	4.888.003.771	160.989.080.611	-	218.699.504.500
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					16.851.154.551
Tổng tài sản					235.550.659.051
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	18.712.932.315	23.214.041.989	136.963.741.293	-	178.890.715.597
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					4.768.720.966
Tổng nợ phải trả					183.659.436.563

Ngày 14 tháng 01 năm 2015



Nguyễn Thị Bích Sơn
Kế toán trưởng

Nguyễn Thành Trung
Chủ tịch Hội đồng quản trị

